

Số : 90./QĐ-THCSTP

Gia Nghĩa, ngày 19 tháng 11 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **V/v công bố công khai dự toán cắt giảm, bổ sung ngân sách năm 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán Ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/ TT - BTC ngày 28/08/2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC ngày 15/06/2017.

Căn cứ quyết định số 242/QĐ-GDDT ngày 14 tháng 11 năm 2024 của phòng GD&ĐT thành phố Gia Nghĩa về việc thu hồi, bổ sung dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số dự toán cắt giảm, bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Ban giám hiệu trường THCS Trần Phú, bộ phận kế toán cùng toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Nguyễn Hải Đường*

Đơn vị: **TRƯỜNG THCS TRẦN PHÚ**  
 Chương: 622

**DỰ TOÁN THU, CHI ĐIỀU CHỈNH GIẢM, BỔ SUNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
 NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 90./QĐ - THCS Trần Phú ngày 19/11/2024 của trường THCS Trần Phú)  
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
	Học phí	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>	
<b>a</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	
	Trong đó: 40% KP cải cách tiền lương	
	60% KP bổ sung chi thường xuyên	
<b>b</b>	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>a</b>	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
<b>b</b>	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>0,000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>0,000</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
<b>3.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	
<b>3.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>4,362</b>
	Kinh phí miễn giảm, cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	(2,550)
	Kinh phí hỗ trợ học sinh theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	6,912